

# CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

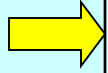


# CHƯƠNG IV: VĂN HOÁ ỨNG XỬ

1. Ứng xử với môi trường tự nhiên
2. Ứng xử trong xã hội

# Mô thức chung về ứng xử với môi trường tự nhiên

## Môi trường địa lý



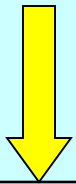
- Khí hậu, địa hình thích hợp nghề trồng lúa nước + chu kì sinh trưởng cây lúa nước  $\Rightarrow$  từ thung lũng xuống đồng bằng làm ruộng dẫn thủy nhập điền.

Kinh nghiệm khai thác vùng núi, biển, sông, hồ..

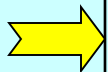
- Khí hậu, địa hình  $\rightarrow$  canh tác phù hợp địa hình khí hậu xử lý đất, chọn và xử lý giống, thuần dưỡng động thực vật.

Kinh nghiệm chế tác công cụ lao động thích hợp công việc.

Lao động thủ công: cày bừa, kéo gỗ, kéo lưới, giã gạo, ... phải lao động tập thể.

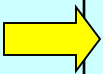
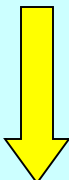
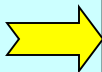


## Môi trường Xã hội



Sống định cư, co cụm chu kỳ sinh trưởng cây lúa  $\rightarrow$  kinh nghiệm văn công, đổi công..

# Ứng xử với tự nhiên – Mô thức về ẩm thực

|                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Môi trường địa lý</b><br><br><br> | <p><b>Nguồn lương thực, thực phẩm có sẵn hoặc dễ tìm kiếm, dễ nuôi trồng =&gt; tận dụng =&gt; thích nghi =&gt; cơ cấu bữa ăn truyền thống: cơm - rau - thủy sản.</b></p> <p><b>Tìm, chọn thức ăn theo mùa.</b><br/><b>Cách chế biến, bảo quản (thức ăn, thức uống) phù hợp khí hậu, thời tiết bốn mùa.</b></p> |
| <b>Điều kiện sống tập thể</b><br>                                                                                   | <p><b>Ăn chung =&gt; Tính cộng đồng + tính tổng hợp (khái niệm ngon phải do sự tổng hợp nhiều yếu tố: không gian, thời gian, con người (tình trạng bản thân, đối tượng), vị, tính, màu sắc) =&gt; Đặc điểm văn hoá ẩm thực phương Đông.</b></p>                                                                |

| <div> <div>Vi</div> <div>Tính</div> <div>Vật</div> </div> | CHUA, ĐẮNG, MẶN (ÂM)                                                             |                                                                                                                        | CAY, NGỌT, LẠT (DƯƠNG)                               |                                                                                                                                   |                                          |
|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
|                                                           | HÀN                                                                              | LƯƠNG                                                                                                                  | BÌNH                                                 | ÔN                                                                                                                                | NHIỆT                                    |
| RAU TƯƠI, CỦ                                              | rau chua, me đất, giá đậu xanh, rau khoai, rau má, rau mã đề, mồng tơi, rau sam. | cải bắp, cải thìa, măng, cây chuối non, mớ tam thể, rau diếp, rau đay, su hào, rau muống, bồ ngót, xà lách, xương sông | cải cay, cải củ, súp lơ, hoa chuối, lá chanh, bí ngô | bạc hà, cà rốt, diếp cá, đinh lăng, hành tây, húng chanh, húng quế, kinh giới, ngải cứu, nghệ, kiệu, rau răm, sả, tiá tô, tỏi tây | gừng, ớt, riềng, tỏi ta                  |
| CỦ CỐ BỘT                                                 | củ từ, sắn dây                                                                   | khoai lang, khoai dong                                                                                                 | củ mài, khoai sọ, khoai tây                          | khoai nứa, sắn                                                                                                                    |                                          |
| NGŨ CỐC                                                   | đậu xanh                                                                         | đậu đen                                                                                                                | đậu trắng, gạo tẻ, kê, mì, ngô, sen                  | đậu đỏ, đậu Hà Lan, đậu tương, đậu ván trắng, gạo nếp, gạo tẻ rang                                                                |                                          |
| CHẤT NGỌT, BÉO                                            |                                                                                  | đường mật mía, dầu vùng                                                                                                | mật ong tươi, dầu lạc, mỡ lợn                        | mật ong cô, đường cô, mỡ bò, mỡ chó, mỡ dê                                                                                        |                                          |
| GIA VỊ                                                    | dành dành , dấm me, phèn chua.                                                   | băng sa, dấm thanh, muối ăn, diêm tiêu, mì chính, mộc nhĩ.                                                             |                                                      | cần, húng lìu, tương ớt, vỏ cam, vỏ quýt                                                                                          | đinh hương, hạt tiêu, hồi, quế, thảo quả |
| QUẢ TƯƠI, THỨC UỐNG                                       | cam, chanh, hoa hoè, khế chua, măng cầu xiêm, me cây, vú sữa, xoài               | chè xanh, dừa, hoa hoè sao, mía, thạch xoa, nhãn, sa bô chê, đu đủ.                                                    | chè hương, chè khô                                   | cà phê, chè hạt nhị sen, rượu vôi, chanh muối.                                                                                    | quýt, măng cầu ta, măng cụt.             |



Nhai trầu, cau,  
vôi, giúp răng  
sạch và khỏe.





Trà/chè xanh, trà  
ướp sen, trà nụ  
vối ,...





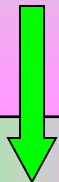
## Rượu rắn







# Ứng xử với tự nhiên – Mô thức về trang phục

|                                                                                                                     |                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Môi trường địa lý</b>                                                                                            | Thiết kế trang phục theo lối hờ: nam đóng khố, nữ mặc yếm váy.                                                                                                                |
|                                    | Nguồn nguyên vật liệu tự nhiên ⇒ tận dụng ⇒ chọn lựa, xử lý chất liệu, kỹ thuật dệt, may, bảo quản vải, quần áo.                                                              |
| <br><b>Điều kiện sống tập thể</b> |  Văn hoá mặc của cộng đồng ⇒ thể hiện ở các biểu tượng, hoa văn trên áo, váy, khăn, nón... |

# Trồng dâu nuôi tằm



*Trang  
phục  
thời  
Hùng  
Vương*



# Trang sức thời Hùng Vương



# Lối cắt tóc ngắn và búi tóc



# *Yếm và váy*



# Áo yếm





**Áo giao lĩnh  
(từ thời Lý Trần)**





Áo ngũ thân khoảng năm 1744

*Áo tứ thân  
có từ trước thời Lý*





Khăn mỏ quạ, nón quai thao

**"Le Mur"  
chính là cách  
dịch sang tiếng  
Pháp của Cát  
Tường - một họa  
sĩ vào thập kỷ  
1930**



**NGUYỄN CÁT TƯỜNG**  
Bút hiệu LEMUR 1912-1946

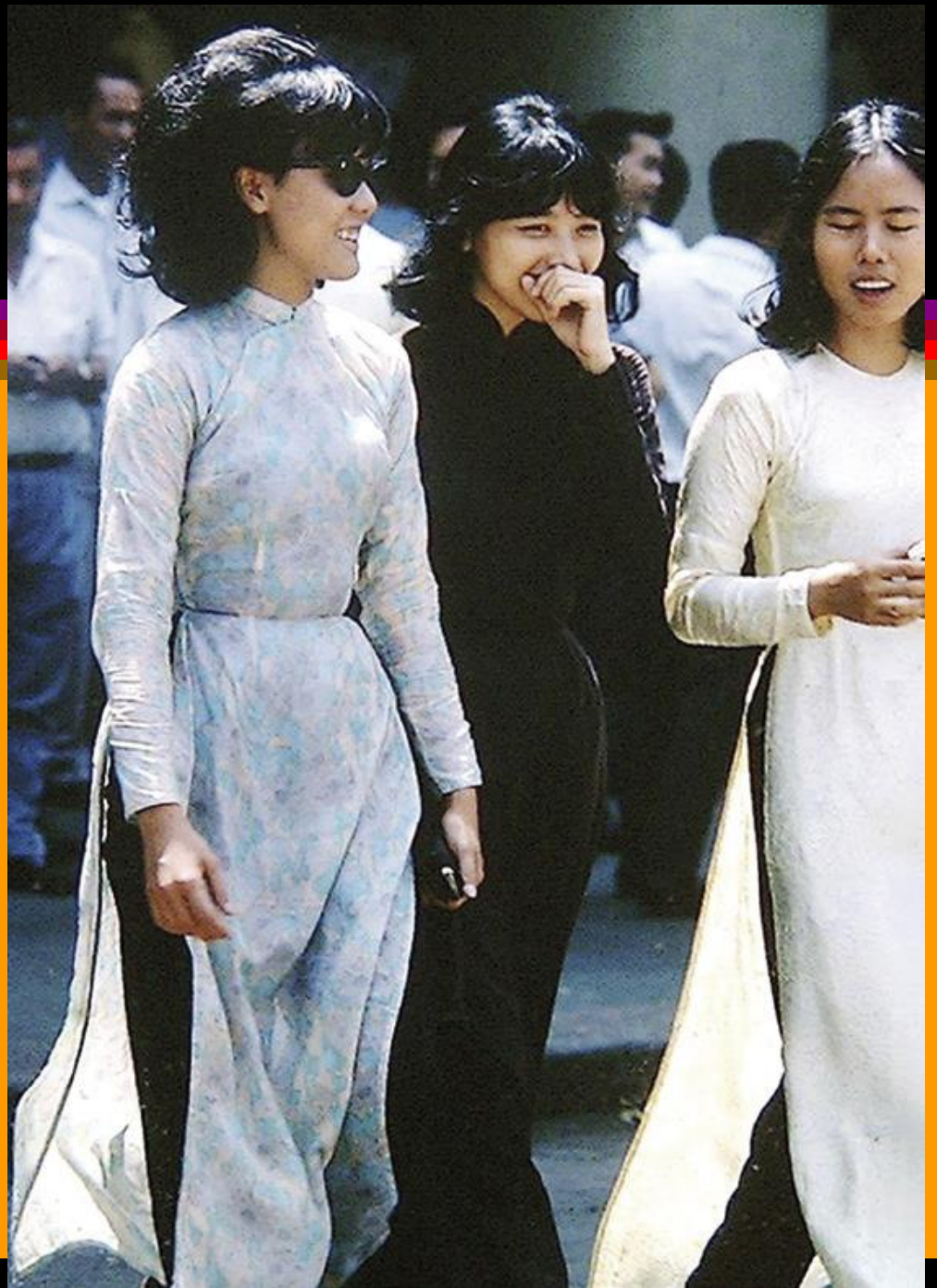
*Áo dài “Le Mur” do  
họa sĩ Cát Tường  
sáng tạo (1934-1936)*



*Áo dài Lê Phổ*  
(1950)



*Áo dài Raglan  
(1960)*



**Áo dài Trần Lệ Xuân  
(đầu những năm 1960)**





*Áo dài hiện đại*



**Khăn đóng thời xưa**



**Khăn đóng thời nay**

**Nón quai thao, khăn đóng thường đi cùng áo dài duyên dáng, thanh lịch trong lễ hội**



**Nón quai thao xưa**



**Nón quai thao hiện nay**

Người miền Nam thích  
dùng khăn rằn vắt vai



# Phụ nữ thái nổi tiếng với chiếc khăn Piêu



MELA





*Áo bà ba*

Ngoài ra, người Việt Nam ta còn trang trí lên cổ và tay của mình những món **đồ trang sức** tô điểm thêm vẻ đẹp như:

## Vàng



# Đá quý



**Sừng thú**



**Gỗ**

